

Số: 675/2020/QĐST-HNGĐ

Quận 7, ngày 04 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 535/2020/ TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Bà Bùi Thị Kim T, sinh năm 1999;

Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh D; Địa chỉ tạm trú: Số E, Tổ R, khu phố T, phường Y, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Cao Bửu S, sinh năm 1996;

Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh D; Địa chỉ tạm trú: Số E, Tổ R, khu phố T, phường Y, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Kim T và ông Cao Bửu S tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2018, có đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 143 đăng ký ngày 14/9/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau) theo quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp, do đó khi có yêu cầu ly hôn được áp dụng các quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình và thủ tục giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình chung sống, giữa bà Bùi Thị Kim T và ông Cao Bửu S phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bà T mâu thuẫn với gia đình chồng trong quá trình chung sống và trong cách nuôi dạy con, kinh tế gia đình khó khăn nên

vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã, nay cả hai đều nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên tự nguyện thuận tình ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa bà Bùi Thị Kim T và ông Cao Bửu S không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh số 48 đăng ký ngày 09/4/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Trung, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre và xác nhận của bà Bùi Thị Kim T và ông Cao Bửu S thì ông bà có 01 (Một) con chung, họ và tên là Cao Thiên P, sinh ngày 24/3/2019.

Cả hai thỏa thuận, sau khi ly hôn giao cho bà Bùi Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng con chung; ông Cao Bửu S cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Các đương sự thỏa thuận việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự xác nhận tài sản chung không có, nên Tòa án ghi nhận.

[4] Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có nợ chung, nên Tòa án ghi nhận.

[5] Về lệ phí việc dân sự: Bà Bùi Thị Kim T và ông Cao Bửu S chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Kim T và ông Cao Bửu S thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 143 đăng ký ngày 14/9/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau).

1.2. Về con chung: Bà Bùi Thị Kim T và ông Cao Bửu S có 01 (Một) trẻ họ, tên là Cao Thiên P, sinh ngày 24/3/2019.

Sau khi ly hôn, giao bà Bùi Thị Kim T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 01 (Một) con chung, ông Cao Bửu S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng. Cấp dưỡng vào ngày 01 đến ngày 10 (dương lịch) hàng tháng, bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng vào tháng 11 năm 2020 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong trường hợp ông Cao Bửu S chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì ông Cao Bửu S phải chịu thêm tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của

các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Ông Cao Bửu S có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung và không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Nếu có yêu cầu các đương sự sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

1.3. Về tài sản chung: Bà Bùi Thị Kim T và ông Cao Bửu S xác nhận tài sản chung và nợ chung không có.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà Bùi Thị Kim T và ông Cao Bửu S chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm đối với việc hôn nhân gia đình là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA/2018/0032976 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Vậy bà Bùi Thị Kim T và ông Cao Bửu S đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp.HCM
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án (Hòa);

THẨM PHÁN

Mai Trần Cảnh